TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 20/9/2021
"V/v: Tranh chấp về Hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thấu và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2021, tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 01/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1970; ĐKTT và nơi cư trú: Thôn XT, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Người được bà H1 ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; ĐKTT và nơi cư trú: Thôn XT, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983 và chị Vũ Thị N, sinh năm 1989; ĐKTT và nơi cư trú: Thôn XT, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Người được chị N ủy quyền: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983; ĐKTT và nơi cư trú: Thôn XT, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương

(Tại phiên tòa, ông T, anh H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị H1 có kinh doanh cám chăn nuôi gia súc và có bán cám cho vợ chồng anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N, địa chỉ thôn XT, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Hai bên thỏa thuận vợ chồng ông cung cấp cám cho vợ chồng anh H theo vụ chăn nuôi, khi nào gia đình anh H có nhu cầu thì ông cho người đến giao số lượng theo anh H báo, anh H ký sổ hoặc vợ ký thay, số tiền ông báo cho anh H biết và ghi vào sổ ghi chép của gia đình ông, đến khi thu hoạch thì vợ chồng anh H phải trả tiền cám cho ông bà, việc thỏa thuận này hai bên không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng. Gia đình ông bán cám cho vợ

chồng anh H từ tháng 9/2016 đến tháng 9/2018 (âm lịch), hai bên nhiều lần T hành thanh toán cho nhau tiền bán cám, mỗi lần trả tiền ông ghi vào sổ và báo cho anh H số tiền nợ còn lại. Đến tháng 9/2018 (âm lịch), khi không cung cấp cám cho gia đình anh H nữa ông đã thông báo về số nợ còn lại là 273.881.000đồng, tuy nhiên vợ chồng anh H khất nợ và hẹn cho thêm thời gian để thu xếp tiền. Khoảng tháng 7/2019 âm lịch (ông không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể), ông đến đòi tiền cám nhưng vợ chồng anh H khất nợ, vì vậy ông đã yêu cầu viết giấy khất nợ. Trong giấy này ghi rõ số tiền vợ chồng anh H còn nợ vợ chồng ông là 273.881.000đồng, vợ chồng anh H hẹn đến ngày 15/8/2019 (âm lịch) sẽ trả số tiền trên và tiền lãi với lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày 01/01/2019 (âm lịch) đến ngày 15/8/2019 (âm lịch). Tuy nhiên quá thời hạn này, vợ chồng anh H vẫn không trả tiền gốc, tiền lãi nên ông nhiều lần đến đòi. Đến ngày 12/11/2019 âm lịch (tức ngày 07/12/2019 dương lịch) anh H trả cho ông bà 50.000.000đồng, hai bên thống nhất tính số tiền trên vào tiền gốc và ghi dưới giấy khất nợ, vì vậy số nợ gốc còn lại là 223.881.000đồng. Ông T đã nhiều lần đến đòi nhưng anh chị không trả. Vì vậy ông bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H chị N phải trả số nợ gốc là 223.881.000đồng, lãi suất 01%, tạm tính từ ngày 01/01/2019 âm lịch (tức ngày 05/2/2019 dương lịch) đến ngày 23/02/2021 dương lịch là 62.565.000đồng. Tổng số tiền gốc + lãi là 286.446.000đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T thay đổi quan điểm: Ông xác định khoảng cuối năm 2020 (ông không nhớ chính xác ngày, tháng nhưng cứ tính là ngày 31/12/2020 dương lịch), anh H trả tiếp 20.000.000đồng, ông nhất trí tính số tiền trên trả vào tiền nợ gốc; Khi anh H trả ông số tiền trên thì ông không ghi vào sổ sách của gia đình nên không cung cấp được tài liệu cho Tòa án; Do đó, số nợ gốc chỉ còn 203.881.000đồng; Đối với tiền lãi, ông xác định tiền lãi hai bên thỏa thuận trong giấy khất nợ là 01%/tháng đối với số nợ gốc 273.881.000đồng (tính từ ngày 01/01/2019 âm lịch - tức ngày 07/02/2019 dương lịch đến ngày 15/8/2019 âm lịch - tức ngày 13/9/2019 dương lịch) là 20.541.000đồng (đã làm tròn), còn tiền lãi từ ngày 14/9/2019 dương lịch trở đi, ông đề nghị tính lãi suất theo quy định của pháp luật tương ứng với số nợ gốc còn nợ theo từng thời điểm. Do vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết quyết buộc vợ chồng anh H phải trả số nợ gốc là 203.881.000đồng, nợ lãi theo giấy khất nợ là 20.541.000đồng, nợ lãi từ ngày 14/9/2019 dương lịch đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai của bà H1 xác định: Vợ chồng bà bán cám cho vợ chồng anh H, hai bên đã xác nhận số nợ, bà yêu cầu vợ chồng anh H phải trả số nợ gốc và lãi theo giấy khất nợ. Bà ủy quyền cho ông T tham gia giải quyết vụ án thay bà, mọi ý kiến của ông T là ý kiến của bà.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là anh Hoàng Văn H trình bày:

Vợ chồng anh có chăn nuôi và thả ao cá nên có nhu cầu mua cám và thức ăn chăn nuôi để phục vụ việc phát triển kinh tế gia đình nên có mua cám, thức ăn chăn nuôi của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị H1, địa chỉ: Thôn XT, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Hai bên thỏa thuận khi gia đình anh có nhu cầu thì báo số lượng, vợ chồng ông T sẽ cho người giao cám theo số lượng đã báo và ghi vào sổ nhà ông T, anh có nhà thì anh ký, không có nhà thì chị N ký thay, sau khi thu

hoạch cuối vụ, vợ chồng anh sẽ thanh toán tiền thức ăn chăn nuôi của vụ đó cho vợ chồng ông T, trong trường hợp làm ăn thua lỗ, không có đủ tiền trả tiền mua hàng thì ông T cho vợ chồng anh chị nợ lại số tiền chưa trả được để đến vụ chăn nuôi sau, nếu làm ăn được thì sẽ thanh toán. Việc thỏa thuận này hai bên không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng, cũng không có thỏa thuận gì về lãi. Vợ chồng anh mua cám của ông T, bà H1 từ tháng 9/2016 đến tháng 9/2018 (âm lịch), nhiều lần anh đã mang tiền đến nhà thanh toán cho ông T, ông T ghi vào sổ. Khi ông T không bán cám thì hai bên chốt sổ và thông báo số nợ cho nhau, anh không nhớ chính xác số nợ. Sau đó nhiều lần ông T đến nhà đòi nợ nhưng chưa có tiền nên vợ chồng anh khất nợ. Khoảng tháng 7/2019 âm lịch (anh không nhớ rõ ngày, tháng), ông T đến đòi tiền cám nhưng khi đó vợ chồng anh không có tiền để trả ngay nên ông T yêu cầu anh viết giấy khất nợ. Anh đã tự tay viết giấy khất nợ theo yêu cầu của ông T. Nội dung giấy khất nợ là vợ chồng anh còn nợ vợ chồng ông T 273.881.000đồng, lãi suất của số nợ gốc trên là 01%/tháng tính từ 01/01/2019 (âm lịch) đến ngày 15/8/2019 (âm lịch), hẹn đến ngày 15/8/2019 (âm lịch) trả cả gốc lẫn lãi, không trả được thì sẽ chịu trách nhiệm, giấy khất nợ trên cả hai vợ chồng anh đều ký vào. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn nên đến ngày hẹn anh chị vẫn chưa trả được nợ. Đến ngày 12/11/2019 âm lịch (tức ngày 07/12/2019 dương lịch), anh chị trả cho ông T, bà H1 50.000.000đồng và hai bên thống nhất tính số tiền trên vào tiền gốc và ghi dưới giấy khất nợ, vì vậy số nợ gốc còn lại là 223.881.000đồng. Khoảng cuối năm 2020 (anh không nhớ chính xác ngày, tháng nhưng anh cứ tính là 31/12/2020 dương lịch) anh trả tiếp 20.000.000đồng, hai bên thỏa thuận số tiền trên tính vào nợ gốc, nên số nợ gốc còn 203.881.000đồng. Đối với số tiền lãi ghi trong giấy khất nợ, anh H xác định tính theo mức lãi là 01%/tháng tính từ ngày 01/01/2019 âm lịch - tức ngày 07/02/2019 dương lịch đến ngày 15/8/2019 âm lịch - tức ngày 13/9/2019 dương lịch là 20.541.000đồng (đã làm tròn).

Nay ông T, bà H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị trả cho ông bà tiền mua cám còn nợ và số tiền lãi của khoản tiền trên, anh H nhất trí sẽ trả cho ông T, bà H1 số nợ gốc 203.881.000đồng và lãi của số nợ gốc là 20.541.000đồng, tổng cộng là 224.422.000đồng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn, anh đề nghị được trả nợ cho vợ chồng ông T theo từng giai đoạn, mỗi năm anh sẽ trả 40.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Đối với tiền lãi từ ngày 14/9/2019 dương lịch, anh H không nhất trí trả, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị N xác định: Chị đồng ý với ý kiến của anh H về quá trình mua bán, số nợ gốc, tiền lãi. Chị ủy quyền cho anh H tham gia giải quyết vụ án, thay chị quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền nghĩa vụ của chị.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T giữ nguyên quan điểm, yêu cầu vợ chồng anh H, chị N phải thanh toán cho ông bà số nợ gốc là 203.881.000đồng và tiền lãi theo giấy khất nợ là 20.541.000đồng. Từ ngày 14/9/2019 dương lịch đến khi xét xử, ông đề nghị Tòa án tính lãi suất của số nợ gốc tương ứng từng thời điểm trả nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn H giữ nguyên quan điểm, nhất trí sẽ trả cho ông T, bà H1 số nợ gốc 203.881.000đồng và lãi của số nợ gốc là 20.541.000đồng, tổng cộng là 224.422.000đồng. Đối với tiền lãi từ ngày 14/9/2019 dương lịch trở đi, anh H không

nhất trí trả, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị H1. Buộc anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 203.881.000đồng và tiền lãi tính theo mức lãi là 01%/tháng tính từ ngày 01/01/2019 (âm lịch) tức ngày 07/02/2019 dương lịch đến ngày 15/8/2019 (âm lịch), tức ngày 13/9/2019 dương lịch là 20.541.000đồng (đã làm tròn) và tiền lãi từ ngày 14/9/2020 dương lịch đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm là 45.420.149đồng. Vậy tổng số tiền anh H, chị N phải trả cho nguyên đơn là 269.842.149đồng gồm số tiền gốc là 203.881.000đồng và tiền lãi 65.961.149đồng. Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Về án phí: Anh H, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 269.842.149 đồng; hoàn trả cho ông T, bà H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ theo giấy khất nợ đối với anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983 và chị Vũ Thị N, sinh năm 1989; ĐKTT và nơi cư trú: Thôn XT, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, xuất phát từ việc thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi giữa ông T, bà H1 với anh H, chị N, do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên mới có giấy khất nợ. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định đây là quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Bà Đoàn Thị H1 và chị Vũ Thị N vắng mặt nH bà H1 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, còn chị N đã ủy quyền cho anh Hoàng Văn H tham gia tố tụng tại Tòa án, ông T, anh H có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt bà H1, chị N.

[2] Về pháp luật áp dụng, thời hiệu khởi kiện: Vụ án được thụ lý ngày 14 tháng 4 năm 2021 thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Việc mua bán cám giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra từ năm 2016 đến năm 2018, đến khoảng tháng 7/2019 âm lịch, hai bên chốt số nợ còn lại là 273.881.000đ. Tuy nhiên,

anh H, chị N mới trả được cho ông T, bà H1 02 lần, lần cuối cùng là vào ngày 31/12/2020, tổng số tiền đã trả là 70.000.000đ. Từ đó đến nay, anh H, chị N không trả tiền cho ông T, bà H1 nữa. Như vậy, việc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản giữa hai bên đương sự diễn ra và kéo dài đến sau thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, hơn nữa giao dịch giữa hai bên có nội dung và hình thức không khác với quy định của BLDS 2015, vì vậy HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật nội dung theo Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

Lần cuối cùng bị đơn trả nợ vào ngày 31/12/2020, hơn nữa bị đơn vẫn thừa nhận trách nhiệm trả nợ của mình. Do đó, xác định tranh chấp hợp đồng dân sự vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Trong đơn khởi kiện ghi ngày 23/02/2021 nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc là 223.881.000đ, lãi suất 01%, tạm tính từ ngày 01/01/2019 âm lịch (tức ngày 05/2/2019 dương lịch) đến ngày 23/02/2021dương lịch là 62.565.000đ. Trong quá trình giải quyết nguyên đơn thay đổi yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc là 203.881.000đồng và tiền lãi tính tính từ ngày 01/01/2019 (âm lịch - tức ngày 07/02/2019 dương lịch) đến ngày 15/8/2019 (âm lịch - tức ngày 13/9/2019 dương lịch) là 20.541.000đồng. Từ ngày 14/9/2019 dương lịch, đề nghị Tòa án tính lãi suất của số nợ gốc theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về yêu cầu đòi số nợ gốc:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc là 203.881.000đồng theo chứng cứ đưa ra là "Giấy khất nợ" lập vào khoảng tháng 7/2019 âm lịch. Bị đơn thừa nhận giấy khất nợ do nguyên đơn cung cấp là do chính anh H viết và ký, chị N ký vào giấy khất nợ, nội dung trong giấy khất nợ là hoàn toàn đúng sự thật, hai bên đều thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 02 lần đều tính vào số nợ gốc, là 70.000.000đ, số gốc còn lại đến thời điểm khởi kiện chỉ còn 203.881.000đồng. Nên đây được coi là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giao dịch giữa các bên là sự thỏa thuận, tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quy định tại Điều 385 BLDS 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo giấy khất nợ trên là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất bị đơn- anh H, chị N còn nợ của nguyên đơn- ông T, bà H1 số nợ gốc là 203.881.000đ, bị đơn cũng nhất trí trả cho nguyên đơn số nợ gốc trên. HĐXX chấp nhận sự quan điểm của các đương sự về việc số nợ gốc.

[4.2] Về yêu cầu tiền lãi:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên thống nhất về tiền lãi của số nợ gốc theo giấy khất nợ với mức lãi là 01%/tháng tính từ ngày 01/01/2019 (âm lịch - tức ngày 07/02/2019 dương lịch) đến ngày 15/8/2019 (âm lịch- tức ngày 13/9/2019 dương lịch) là 20.541.000đồng (đã làm tròn). Xét thấy, lãi suất mà các bên thỏa thuận là 01%/tháng, nên lãi suất 1 năm là 12%, không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015. Do vậy, HĐXX chấp nhận sự quan điểm của các đương sự về số tiền lãi trong khoảng thời gian trên.

- Đối với tiền lãi từ ngày 14/9/2019 dương lịch đến thời điểm xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bị đơn không nhất trí trả số tiền lãi trong khoảng thời gian trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy: Trong giấy khất nợ không đề cập đến việc bị đơn phải trả lãi đối với số nợ gốc từ ngày 14/9/2019 dương lịch. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 quy định "Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này" , khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả". Vì vậy, yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

Về lãi suất đối với số nợ gốc chậm trả tính từ ngày 14/9/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 20/9/2021: Do trong giấy khất nợ không có thỏa thuận về lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, lãi suất trong khoảng thời gian trên được tính là 10%/năm (tính cụ thể: 0,833%/tháng, 0,0274%/ngày) trên số nợ gốc chậm trả. Số tiền lãi được tính trên số nợ gốc theo từng thời điểm trả được từng phần nợ gốc, được chia làm 3 thời điểm, cụ thể là:

STT	**Số tiền gốc**	**Từ ngày**	**Đến ngày**	**Số ngày**	**Lãi suất (%/Năm)**	**Số tiền lãi phải trả**
1	273,881,000	14/09/2019	07/12/2019	84	10	6,390,557đồng
2	223,881,000	08/12/2019	31/12/2020	389	10	24,191,586đồng
3	203,881,000	01/01/2021	20/09/2021	262	10	14,838,006đồng
Tổng cộng						45,420,149đồng

- Như vậy tổng tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 20.541.000đồng + 45,420,149đồng = 65.961.149đồng, làm tròn = 65.961.000đồng.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 275, 280, 385, 430, 440, 357, 468 và 688, 689 Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 26, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị H1.

Buộc anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị H1 số tiền nợ gốc 203.881.000đồng và tiền lãi 65.961.000đồng, tổng cộng là 269.842.000đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị N chậm thi hành số tiền trên thì phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N phải chịu 13.492.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị H1 số tiền tạm ứng án phí 7.161.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0005444 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Giang